I

Bãi Sầm Sơn là một hòn ngọc châu đặt trong địa giới một tỉnh đã làm trường thí nghiệm cho muôn ngàn cuộc hưng vong ghi chép trong lịch sử.

Một con đường đá trắng, một bãi cát mênh mông, hai dẫy phi lao đêm ngày vi vút dưới ngọn gió biển ào ào, một tấm thảm kim cương lóng lánh chiếu ánh nắng buổi tà dương... với ai đã biết Sầm Sơn, cảnh rực rỡ tươi vui của bờ bể kia tất đã để lại cho một kỷ niệm sâu xa, mà ngọn sóng quên của thời gian khó lòng chìm lấp đi được.

Nhưng...

Nếu ngày nay chốn mỹ nhân ra nghỉ mát nó êm dịu đẹp đẽ, trước đây một vài thế kỷ, nó đã là một chốn điêu linh thảm khốc, nó đã thấy trong mờ sương bóng tối xiết bao tấn bi kịch hãi hùng. Bãi Sầm Sơn,

chốn nghỉ chân của phường giặc Tàu Ô độc ác, tụ họp của lũ mẹ mìn ranh mãnh, bãi Sầm Sơn, cũng như Đồ Sơn đã làm mồ cho Bà Đế, chứa trong làn nước thẳm không thiếu gì liệt nữ vô danh, không thiếu gì thuyền buôn vô phúc bị bão hay bị cướp.

Trong muôn nghìn dẫy thuyền buôn bị đắm đó, một thuyền có chứa một kho vàng.

Kho vàng ấy hiện đã được tải ra ngoài mặt nước.

Câu chuyện kho vàng, giờ đây, tôi muốn ngả nó lên mặt giấy, hiến cho các anh em chị em một món quà dĩ vãng thiêng liêng. Mà cũng bởi biết rõ chuyện kho vàng, tôi đã bị lao tâm, tổn lực, đã cố len lỏi trong một lớp sóng người, cũng như tôi, chạy theo vết bạc, cố tiến đi, đi mãi, đi tìm dấu vết của Đồng tiền Vạn Lịch chữ vàng.

Vì đồng tiền đó tức là chìa khoá mở cửa cho tôi thấy đường lối vào đời triệu phú.

Vì đồng tiền đó là đạo bùa giúp cho khách hữu duyên làm chủ một gia sản vô giá bị lấp chìm trong đáy nước Sầm Sơn.

Cái ngày tôi đi tìm đồng tiền Vạn Lịch, riêng đối với tôi nó nhuộm nhiều vẻ lạ kỳ, huyền bí. Nó chứa chan, không đếm xiết được, những kỷ niệm êm đềm mà rùng rợn, làm cho mỗi lần tưởng nhớ lại những giờ tôi đã trải, tôi không tài nào quên được vẻ đẹp

lộng lẫy của hoàn cảnh, tựa như đóa hoa tươi đua sắc trên cụm lá um tùm xanh biếc, và nhất là vẻ bí mật của những khuôn mặt tôi thấy ngày hôm đó, những khuôn mặt kín đáo, hoài nghi, trái ngược hẳn với cái vui vẻ nồng nàn của một nơi phồn hoa tấp nập.

Độ ấy vào khoảng mùa hè năm 1933.

Tôi nhân được nghỉ ba tháng hè, vội thu xếp ra Sầm Sơn hứng gió bể và dưỡng sức. Vừa chân ướt chân ráo bước lên mặt cát vùng hải ngoại, tôi đã bị ngay một phen kham khổ, bực mình. Các khách sạn đều chật ních những công tử, vương tôn, tôi phải dằn lòng trú ngụ trong lều tranh của một gia đình chài lưới. Nhưng cũng nhờ sự rủi ro vô lý ấy mà, giữa quãng đêm trường tịch mịch, trong một bầu trời sôi nổi những mưa cùng gió, dưới mái lều của ông già đánh cá, tôi được quen một người bạn trẻ phi thường; một người bạn mà hình ảnh sau này tôi khắc mãi tận đáy gầm ký ức.

Anh chàng đó có một khổ mặt rắn rỏi lạ thường, hai con mắt sáng như đèn, một cái trán bướng bỉnh gồ ra, với một cái cằm vuông quả quyết. Một sống mũi thẳng dọc dừa trên hai làn môi mỏng, đỏ thắm, làm khuôn cho một cái mồm rộng, mỗi khi cười gần sát tới mang tai. Một làn tóc dài và đen nháy càng làm tăng màu da trắng mịn; hắn thoạt trông thì ra vẻ thư sinh yếu ớt, mà trông lâu mới biết có hàm súc rất nhiều khí khái quật cường.

Cũng vì sự tình cờ đó, tôi được biết khuôn khổ đồng tiền Vạn Lịch. Nó là một đồng tiền vàng dầy cũng có khía như đồng bạc hoa xòe ngày nay, nhưng giữa có lỗ vuông và bề to bằng miệng một cái chén tống. Trên dưới đều có dùi lỗ con để buộc tua và làn dây đỏ quàng cổ. Ai đã trông thấy một chiếc ngân tiền hay kim tiền của vua thủa xưa ban cho các quan, người ấy sẽ rõ đồng tiền Vạn Lịch nó như thế nào. Nó chỉ khác những đồng kim tiền của ta ở chỗ vành rìa nó to hơn và trên mặt nó một bên thì chạm rồng, một bên thì có bốn chữ rõ rệt: "Vạn Lịch thông bảo".

Anh chàng lạ mặt đến bờ bể sau tôi độ hai ba tiếng đồng hồ. Cũng bị cảnh thiếu chỗ ở như tôi, chàng phải đi một quãng xa tìm vào làng chài, xin trọ cùng tôi trong một túp lều xiêu vẹo.

Tối hôm ấy, gió bỗng nổi lên, quay cuồng trong vũ trụ, làm cho nước kêu sóng réo ầm ầm. Rồi mưa trút xuống ào ào, đập chan chát vào cụm lá cành cây, nghe buồn rầu thảm đạm.

Quen lối "sách đèn, đao kiếm", tôi xin một mảnh chiếu rách, tìm một chỗ ấm cúng nhất trong lều, điềm tĩnh ngả nằm hút thuốc. Chàng thiếu niên lạ mặt, thấy hay hay, cũng cởi áo lại nằm trước mặt tôi, bắt chuyện!

Khi mới nằm xuống, thiếu niên có móc túi lấy ra một cái hộp gỗ vuông con, đặt ngay trước mặt.

Chàng mở hộp, đem ra ánh sáng đèn dầu lạc một đồng tiền vàng xinh xắn, ngắm đi ngắm lại lâu lắm, rồi đặt trên mặt hộp, nằm nhìn. Tôi thấy lạ, cứ chú ý ngắm những bộ điệu của chàng và đồng tiền vàng nằm tròn xoe trong khay khảm.

Thấy tôi ra vẻ tò mò, nhìn đồng tiền không chớp, người trẻ tuổi ấy bỗng nhích mép cười, một nụ cười mà tôi cho là mỉa mai hay kiêu hãnh, rồi bỗng nghiêm nghị, hờ hững, nhặt lấy đồng tiền bỏ vào hộp, lại cầm cái hộp cho vào túi áo. Tôi tuy lấy làm lạ vì những cử chỉ ấy, nhưng không được phép hỏi mà cũng không dám hỏi, đành ngậm miệng làm thinh, tìm những đầu đề bâng quơ nói chuyện với ông bạn kỳ dị kia cho đêm suông ở một chỗ xa lạ vắng buồn không đến nỗi tẻ trơ vì im lặng.

Cái đêm suông đó, may sao, lại là một đêm mưa dầm gió bấc, thành ra trong căn nhà tranh thấp hẹp của ông già chài lưới, cả đêm chúng tôi được nghe tiếng rít của ngọn gió lùa vào khe đá, được nghe hơi thở mạnh mẽ của làn nước tung lên hạ xuống và giọng rền rĩ âm thầm của mấy dẫy phi lao xào xạt suốt canh trường. Nếu không có bạn, có nhẽ tôi buồn đến chết. Mà cũng bởi hoàn cảnh bao bọc chúng tôi như rủ rê kẻ yếu linh hồn mở phanh tâm sự mình ra, cho nên, may thực là may, tôi không mất chút công

nào, bỗng được lim dim đôi mắt, thưởng thức một câu chuyện vô song, tuyệt diệu, một chuyện ái tình não ruột, lâm ly.

Rồi cũng bởi kết cục dị kỳ của câu chuyện lạ lùng tôi được biết, nên tôi mới lao tâm, tổn lực, cố len lỏi trong một lớp sóng người hoài nghi, nghiêm nghị, cố tiến đi, đi mãi, đi tìm dấu vết của kho vàng chìm lấp trong làn nước bãi Sầm Sơn. Kho vàng ấy, số tôi không được hưởng: Nhà nước, một năm sau khi tôi bó tay chịu thua thiên mệnh, đã khai lên tải vào công khố mất rồi!

Không được hạnh phúc trở nên một nhà triệu phú, tôi đã được hân hạnh biết nguồn gốc của sản nghiệp to lớn đó, một sản nghiệp cách đây độ 150 năm, đã vì ái tình mà bị chìm đắm vào lòng bể thẳm.

Sản nghiệp đó, ngày nay, lại vì ái tình mà hoá ra vô chủ:

Ái tình có cần đâu đến những kho vàng?...

II

Độ ấy vào khoảng mùa thu năm Bính Ngọ (1786).

Mùa thu ngoài xứ Bắc nó thường nhuộm vẻ tiêu sơ ảm đạm; da trời một mầu vàng xạm, những tầu ba tiêu xơ xác vẽ lên nền u ám của buổi chiều tà hình ảnh sự buồn rầu.

Trong một hoàn cảnh lạnh lẽo, đìu hiu, giữa vẻ im lặng nặng nề mà bóng tịch dương phủ lên sự vật, một đoàn kỵ mã làm náo loạn hẳn giấc ngủ thiu thiu của chốn đế đô nghiêm cấm, vừa mới tạm được êm tĩnh sau bao cơn binh lửa điêu tàn. Vó chiến mã, gót tinh binh, làm cho mù trời, bụi cuốn; tiếng nhạc xen với tiếng trống khải hoàn ầm ỹ, át hẳn tiếng sênh tiền dập dềnh theo điệu trúc tơ.

Đến trước cửa Nam, loa nổi hiệu gọi trong thành mở ải. Hai tấm cửa lim bấy giờ từ từ quay trên bánh

gỗ, đón mời đoàn binh mã vào thành. Vượt qua cầu vòng, năm ngàn quân Tây Sơn, hùng hổ, tiến vào kinh đô đất Bắc.

Đi đầu, một võ quan mặc nhung phục, cầm loa đồng, hô lệnh cho ba quân đi đứng, và báo trước cho dân gian trong thành được biết có quan Tiết chế, Bình Bắc Thượng tướng quân, ra Bắc Hà dẹp loạn giúp bản triều. Tiếp theo sau, dàn hai bên đường, một ngàn quân sĩ, nón sơn, áo nẹp, sắp hàng tư đều răm rắp, hăng hái mãnh liệt tiến lên, bước theo nhịp trống khải hoàn vang động một góc trời. Năm trăm quân đi đầu đều cầm mỗi đứa một lá cờ ngũ hành có giải bay phấp phới; năm dẫy tinh kỳ xan xát lấp không trung xếp thành năm hàng tề chỉnh, mỗi hàng một sắc đặc biệt, lấy bốn màu trắng xanh đen đỏ chỉ bốn phương Đông Tây Nam Bắc, còn mầu vàng thì dùng làm hiệu Trung ương.

Theo sau hàng kỳ sĩ là một tốp quân tám đứa, mặc áo đỏ sẫm nẹp xanh, trịnh trọng khiêng trên vai một cái giá vuông, có đòn sơn son thếp vàng, trông tựa hồ một cái kiệu nhỏ không mui; trên giá cắm một cái cột gỗ lớn, bề rộng độ một gang, sơn son đỏ chói, cao đến hơn hai trượng, ngất nga ngất ngưởng thẳng vút lên trời. Lưng chừng cột trụ đặt một tấm gỗ tròn sơn vàng, bốn bên có dây chão vững bền buộc chặt

chẽ với bốn góc giá. Trên đầu cột lại trạm một cái mũi nhọn trông như đầu một lưỡi sang, nhưng tròn. Quãng giữa đầu cột và tấm gỗ tròn, một cán cờ nằm hơi chênh chếch, chuôi cán có dây buộc vào ván gỗ, đầu cán thì cắm một lá cờ vuông bằng vóc vàng, viền lụa hồng, ngù kim tuyến, giải nhiễu lam, trên thêu sáu chữ vàng chói lọi: "Bình Bắc Thượng tướng quân Nguyễn". Đó là lá cờ súy.

Đi sau cờ súy là một đội quân năm trăm tên, lưng đeo gươm, vai vác mộc, tay cầm giáo trường sáng loáng chĩa lên trời. Rồi đến một cặp voi nặng nề mà rực rỡ, đủng đỉnh vừa vẫy đuôi vừa tiến theo lệnh hai viên quản tượng cầm búa cưỡi trên đầu. Đôi vật chiến ấy cùng trang sức giống nhau: con nào cũng phủ bành vóc đỏ viền xanh, có tua dải phất phơ rủ xuống, lại có khấu tiền khấu hậu nạm vàng bạc và thủy tinh lóng lánh. Trên bành, một cỗ lầu son bọc lụa vàng đặt ngang lưng voi như một cái kiệu hoa thấp, và vững chãi. Cỗ lầu ấy giống một cái ghế rộng rãi, chỗ ngồi có gối thêu, chỗ dựa lưng, dựa tay có gấm phủ, trông rất gọn gàng hoa mỹ. Chính giữa lầu, mé sau, một cái tàn hồng nhô lên để che nắng cho tướng ngồi trên mình voi; hai bên chiếc tàn, hai lá cờ đuôi nheo ngắn cán chĩa ra ngoài, tuôn bay theo chiều gió thổi. Trên lầu son ngồi hai viên tướng: một viên trông đã già nhưng còn quắc thước, mặc bào

xanh giáp bạc, gác ngang vai một thanh Yển Nguyệt long đao; một viên, trái lại, trông trẻ như măng non, đẹp như con gái, mình vận bào trắng, vai mang giáp mây, đội mũ đâu mâu chỏm bạc, cầm ngang một thanh bảo kiếm Lư Hoàng. Viên tướng trẻ đó rất tuấn tú khôi ngô, nước da trắng nuột, hình hài nhỏ nhắn, đều đặn, bàn tay mềm mại như tay đàn bà; gia dĩ[1] cặp mắt phượng đen nhháy lại say sưa gợn ra những tia sáng nồng nàn, làn môi tươi đỏ như son lại toả ra những nụ cười đắm đuối, khiến ai thoạt nhìn qua vị thiếu niên anh kiệt đó, cũng phải bảo chàng là một giai nhân cải trang đi tòng chinh, hay một nữ tướng giả trai chen vào đám quân sĩ để theo chồng.

Thực vậy, tướng trẻ tuổi đó quả là khuê môn nhi nữ, nhưng nàng mặc nhung phục nam tử chẳng phải để đi đánh giặc, cũng chẳng phải để đi theo chồng; nàng chỉ nhân dịp có binh tướng ra Bắc Hà thì cũng xông pha cho biết đó, biết đây, nàng len lỏi trong mũi tên hòn đạn mà vẫn được che chở chiều chuộng như một vì công chúa. Bởi lẽ, không là công chúa, nàng cũng là quận chúa: ông chú ngoại nàng là Tiết chế Thượng tướng quân Nguyễn Huệ, mà cha nàng là Tả Đô đốc Võ Văn Nhậm, phò mã vua Thái Đức nhà Tây Sơn.

(1) Hơn nữa. (BT)